

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tâm

2. Bà Từ Thị Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 983/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Sanh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Nhà trọ HB, đường NB3A, khu phố 3, phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương; địa chỉ nơi làm việc: Công ty Viettel Post, số 6, đường DB8, khu phố 3, phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Sanh T trình bày:

Bà Võ Thị Sanh T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2013 tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh

Bắc Giang. Quá trình sống chung, bà T và bà T có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 01/7/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/11/2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cả hai hiện đã sống ly thân. Hiện bà T đang trực tiếp nuôi 02 con. Thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn D.
- Về con chung: bà T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 01/7/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/11/2016.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2025, bị đơn bà T trình bày:

bà T và bà T đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2013. Chung sống hạnh phúc đến năm 2022, bà T phát hiện bà T thay đổi tình cảm với bà T, qua tìm hiểu thì bà T phát hiện bà T ngoại tình với người đàn ông khác, bà T có đầy đủ chứng cứ là hình ảnh và video, bà T có nói chuyện thì bà T hứa sửa đổi, xin tha thứ, xin xóa hết video, ảnh. bà T tin tưởng nên đã xóa, được một thời gian bà T tiếp tục lạnh nhạt, thái độ thờ ơ, cố ý gây mâu thuẫn để vợ chồng con cái chia ly. Đến đầu năm 2024, do vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì bà T không đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 01/7/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/11/2016. Nếu bà T không nuôi thì bà T nuôi. bà T nuôi thì bà T vẫn cấp dưỡng như bà T yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn bà T có nơi làm việc tại phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2013 tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Do đó quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn do nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Bị đơn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do nguyên đơn ngoại tình nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ, thống nhất các bên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay nhưng không đồng ý ly hôn.

Xét lời trình bày của các bên thì thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, các bên cũng không đưa ra phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn giữa các bên đã đến mức trầm trọng, các bên không có thiện chí hàn gắn, không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T với bị đơn bà T, bà T được ly hôn với bà T.

Về con chung: Giữa bà T với bà T có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 01/7/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/11/2016. Hiện tại, 02 cháu đang ở với bà T và đều có nguyên vọng ở với bà T, bà T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà T cũng thống nhất để bà T nuôi dưỡng chăm sóc con cái. bà T yêu cầu bà T cấp dưỡng mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Khoa và cháu Khôi, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ tháng/ cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Sanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Sanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 01/7/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 26/11/2016 cho bà Võ Thị Sanh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.500.000 đồng/ tháng/ cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà Võ Thị Sanh T và ông Nguyễn Văn D đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con chung. Ông Nguyễn Văn D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Sanh T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009756 ngày 16/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn D phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích